



shàng lù

上路

verb phrase · to set off; to hit the road

Example Sentences

Wǒ men míng tiān zǎo shàng liù diǎn shàng lù qù Běi jīng

我们明天早上六点上路去北京。

We will set off for Beijing at six tomorrow morning.

Tā shōu shí hǎo xíng li zhǔn bèi shàng lù

他收拾好行李，准备上路。

He packed his luggage and prepared to hit the road.

Trace each character, then write the word on your own.

上	上	上	上	上	上						
路	路	路	路	路	路	路	路	路	路	路	路
路	路	路	路	路							